

## 【佐賀県】 主な野菜の作付面積と収穫量

	作付面積(ha)	収穫量(t)	出荷量(t)	対前年比			
				作付面積(%)	収穫量(%)	出荷量(%)	
指  定  野  菜	キャベツ	291	9,310	7,870	87	87	87
	春キャベツ	53	...	...	nc	nc	nc
	夏秋キャベツ	10	...	...	nc	nc	nc
	冬キャベツ	228	7,480	6,510	88	89	89
	きゅうり	150	13,300	12,200	91	104	104
	冬春きゅうり	57	7,580	7,200	88	109	109
	夏秋きゅうり	93	5,680	4,970	94	97	97
	さといも	95	...	...	nc	nc	nc
	秋冬さといも	95	...	...	nc	nc	nc
	その他さといも	-	...	...	nc	nc	nc
	だいこん	76	...	...	nc	nc	nc
	春だいこん	9	...	...	nc	nc	nc
	夏だいこん	2	...	...	nc	nc	nc
	秋冬だいこん	65	...	...	nc	nc	nc
	たまねぎ	2,310	138,100	128,800	95	117	118
	トマト	67	3,410	2,930	100	90	90
	ミニトマト	16	881	803	107	92	92
	加工用トマト	-	...	...	nc	nc	nc
	冬春トマト	31	2,850	2,650	94	89	89
	冬春ミニトマト	12	817	760	100	91	91
	夏秋トマト	36	...	...	nc	nc	nc
	夏秋ミニトマト	4	...	...	nc	nc	nc
	夏秋加工用トマト	-	...	...	nc	nc	nc
	なす	60	3,490	2,840	92	108	107
	冬春なす	14	2,000	1,880	93	106	106
	夏秋なす	46	1,490	964	92	110	110
	にんじん	27	...	...	nc	nc	nc
	春夏にんじん	5	...	...	nc	nc	nc
	秋にんじん	2	...	...	nc	nc	nc
	冬にんじん	20	...	...	nc	nc	nc
ねぎ	272	2,460	1,930	96	95	95	
春ねぎ	76	622	503	97	97	97	
夏ねぎ	76	...	...	nc	nc	nc	
秋冬ねぎ	120	1,360	1,010	95	93	92	
はくさい	72	...	...	nc	nc	nc	
春はくさい	4	...	...	nc	nc	nc	
夏はくさい	0	...	...	nc	nc	nc	
秋冬はくさい	68	...	...	nc	nc	nc	
ばれいしょ	144	2,910	1,880	93	90	88	
春ばれいしょ	108	2,380	1,680	92	88	87	
秋ばれいしょ	36	526	200	97	99	99	
ピーマン(しとう舎)	21	...	...	nc	nc	nc	
冬春ピーマン	x	...	...	nc	nc	nc	
夏秋ピーマン	x	...	...	nc	nc	nc	
ほうれんそう	121	842	600	98	86	85	

	レタス(サラダ菜含)	91	1,800	1,530	96	91	91
	サラダ菜	0	11	10	nc	35	42
	春レタス(サラダ菜含)	20	510	411	100	97	97
	春サラダ菜	0	6	5	nc	75	71
	夏秋レタス(サラダ菜含)	1	…	…	nc	nc	nc
	夏秋サラダ菜	0	…	…	nc	nc	nc
	冬レタス(サラダ菜含)	70	1,270	1,100	99	93	92
	冬サラダ菜	0	3	1	nc	100	100
		作付面積(ha)	収穫量(t)	出荷量(t)	対前年比		
					作付面積(%)	収穫量(%)	出荷量(%)
特 定 野 菜	アスパラガス	129	2,850	2,650	103	110	111
	いちご	178	8,170	7,550	95	103	102
	えだまめ	10	…	…	nc	nc	nc
	かぶ	10	…	…	nc	nc	nc
	かぼちゃ	70	805	570	101	96	95
	カリフラワー	3	…	…	nc	nc	nc
	かんしょ	…	…	-	nc	nc	-
	グリーンピース	2	…	…	nc	nc	nc
	ごぼう	19	…	…	nc	nc	nc
	こまつな	18	…	…	nc	nc	nc
	さやいんげん	19	…	…	nc	nc	nc
	さやえんどう	27	…	…	nc	nc	nc
	ししとう	2	…	…	nc	nc	nc
	冬春ししとう	x	…	…	nc	nc	nc
	夏秋ししとう	x	…	…	nc	nc	nc
	しゅんぎく	7	…	…	nc	nc	nc
	しょうが	19	…	…	nc	nc	nc
	スイートコーン	35	…	…	nc	nc	nc
	すいか	28	…	…	nc	nc	nc
	セルリー	0	…	…	nc	nc	nc
	そらまめ	22	…	…	nc	nc	nc
	ちんげんさい	30	…	…	nc	nc	nc
	にら	9	…	…	nc	nc	nc
	にんにく	11	…	…	nc	nc	nc
	ふき	x	…	…	nc	nc	nc
	ブロッコリー	69	638	479	99	95	95
	みずな	30	…	…	nc	nc	nc
	みつば	-	…	…	nc	nc	nc
メロン	6	…	…	nc	nc	nc	
温室メロン	-	…	…	nc	nc	nc	
やまのいも	6	…	…	nc	nc	nc	
ながいも	-	…	…	nc	nc	nc	
れんこん	417	5,800	4,330	97	82	81	

資料：農林水産省「令和元年産野菜生産出荷統計」及び「令和元年産作物統計」

注：表中に用いた記号「0」：単位に満たないもの(例：0.4ha→0ha)、「-」：事実のないもの、「…」：事実不詳又は調査を欠くもの、「nc」：計算不能